

CHU VĂN TUẤN*
VŨ THANH BẰNG, HOÀNG THỊ THU HƯỜNG**

GIỮ GÌN CÁC GIÁ TRỊ TỘC NGƯỜI, TÔN GIÁO Ở VÙNG VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM HIỆN NAY

Tóm tắt: Vùng ven biển và hải đảo là vùng có vị trí trọng yếu trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia. Khu vực này có những đặc thù về kinh tế, văn hoá, xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo. Cư dân sinh sống ở những vùng này phong phú, đa dạng về nguồn gốc, tộc người. Chính vì vậy, việc bảo tồn, giữ gìn các giá trị tôn giáo, tộc người vùng ven biển, hải đảo Việt Nam có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển bền vững khu vực này nói riêng, trong xây dựng, bảo vệ tổ quốc nói chung. Trong bài viết này, chúng tôi bước đầu làm rõ một số khái niệm liên quan, sau đó khái quát các điểm chính về tộc người, tôn giáo, giá trị tộc người và tôn giáo, để từ đó trình bày một số thực trạng gìn giữ các giá trị tộc người, tôn giáo của cộng đồng cư dân ven biển, hải đảo ở Việt Nam. Bài viết sử dụng các số liệu thống kê, khảo sát của nhóm tác giả; các tư liệu nghiên cứu đi trước.

Từ khoá: Tôn giáo tộc người, giá trị tộc người; giá trị tôn giáo, ven biển, hải đảo, Việt Nam

Dẫn nhập

Các nghiên cứu từ góc độ lịch sử, dân tộc học, văn hóa học chỉ ra rằng, vùng biển và hải đảo ở Việt Nam từ trong quá khứ cho tới hiện nay chủ yếu gắn với các tộc người: Kinh (Việt), Chăm, Khmer, Hoa, Ngái [Phan Thị Yến Tuyết, 2014: 56-57; Bùi Xuân Đỉnh, Nguyễn Thị Thanh Bình, 2018: 15]. Mỗi tộc người với lịch sử cư trú, di cư, sinh

*,** Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Bài tạp chí là kết quả của đề tài trọng điểm cấp Bộ: "Biển Việt Nam phục vụ mục tiêu bảo vệ tổ quốc và phát triển đất nước", do Văn phòng Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam là cơ quan chủ trì.

Ngày nhận bài: 15/11/2023; Ngày biên tập: 20/11/2023; Duyệt đăng: 23/11/2023.

sống đã xây dựng một thế giới quan, nhân sinh quan riêng, phản ánh rõ nét qua đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng mình. Mặt khác, quá trình giao lưu và tương tác giữa các tộc người trong một khu vực, quốc gia hay thậm chí quốc tế là xu thế tất yếu của lịch sử dẫn tới sự giao thoa tiếp biến văn hóa, trong đó có tín ngưỡng, tôn giáo... Đây là điều thấy rõ trong mối quan hệ tộc người, tôn giáo ở ven biển và hải đảo ở Việt Nam. Sự cạnh tranh hay những xung đột liên quan đến tộc người và tôn giáo là một vấn đề được đặt ra trong chiến lược phát triển bền vững đất nước nói chung và gìn giữ bản sắc văn hóa tộc người nói riêng trong bối cảnh hiện đại hóa, toàn cầu hóa hiện nay [Lê Hải Đăng, 2019 :97; Vương Xuân Tình, 2021].

Bên cạnh bộ phận lớn cư dân ven biển, hải đảo ở Việt Nam mang tâm thức đa thần và thực hành tín ngưỡng, còn có bộ phận cư dân là tín đồ của các tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, đạo Tin Lành, đạo Cao Đài, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam,...). Thực hành tôn giáo của họ ngoài tuân thủ giáo lý, giáo luật nói chung thì còn mang yếu tố văn hóa biển và yếu tố tộc người một cách nổi trội [Nguyễn Thị Hải Lê, 2020: 16-21; Phú Văn Hân, 2022]. Trên cơ sở quan điểm về giá trị, chúng tôi sẽ tiếp cận giá trị tộc người trong mối tương quan với giá trị tôn giáo [Phạm Minh Hạc, 2010: 42; Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2022: 20]. Cần hiểu rằng, giá trị tộc người đang rộng và trùm lên giá trị tôn giáo của tộc người. Vì tôn giáo ở đây chính là loại hình tôn giáo mà tộc người đó lựa chọn, ví dụ như: Phật giáo là sự lựa chọn của một bộ phận người trong tộc người Kinh; Bà la môn giáo là sự lựa chọn của một phận người trong tộc người Chăm; Phật giáo Nam tông là sự lựa chọn của đại đa số người trong tộc người Khmer... Cho nên, giá trị tôn giáo của tộc người sẽ vừa mang đặc trưng văn hóa của tộc người, vừa mang đặc điểm của loại hình tôn giáo mà tộc người đó lựa chọn. Theo đó, khái niệm *Giá trị tộc người, tôn giáo* có thể hiểu là: *những gì tốt đẹp của cộng đồng tộc người được hình thành dựa trên nền tảng tôn giáo chung, được xem là những chuẩn mực trong ứng xử và hành động của cộng đồng*. Đối với các cộng đồng tộc người ở ven biển và hải đảo của Việt Nam, hệ thống giá trị tộc người, tôn giáo được hình

thành từ các giá trị cơ bản như: giá trị nhận thức, giá trị luân lý đạo đức, giá trị văn hóa, các giá trị khác (kinh tế, an ninh quốc phòng...).

Bài viết dựa trên việc nghiên cứu các tài liệu thứ cấp, các dữ liệu thu thập được trong quá trình điền dã ở một số tỉnh/thành phố ven biển như: Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Huế, Cà Mau, Bạc Liêu vào năm 2022 và năm 2023, cùng các phương pháp quan sát tham dự, phỏng vấn, thảo luận nhóm.

1. Khái quát về tộc người, tôn giáo và giá trị tộc người, tôn giáo ở vùng ven biển và hải đảo ở Việt Nam

1.1. Về tộc người, tôn giáo vùng ven biển và hải đảo ở Việt Nam

Theo Trần Minh Hằng, cộng đồng cư dân ven biển và hải đảo ở Việt Nam là “các nhóm cư dân sinh sống bằng nhiều loại hình nghề nghiệp khác nhau, được hình thành và phát triển qua nhiều giai đoạn khác nhau gắn liền với quá trình thích ứng các điều kiện sinh thái vùng ven biển và quá trình giao lưu tộc người với các đặc điểm văn hóa và tôn giáo đa dạng” [Trần Minh Hằng, 2022: 115]. Bởi thế, nói đến văn hóa biển Việt Nam cần phải chú ý tới bộ phận văn hóa biển của các vùng miền, các tộc người. Nghiên cứu cho thấy, khu vực ven biển và hải đảo ở Việt Nam vốn là địa bàn cư trú của các tộc người: Việt, Chăm, Hoa, Khmer... Trong đó, đặc điểm về địa bàn cư trú, lịch sử, văn hóa của mỗi tộc người lại là tiền đề cho sự ra đời của các tín ngưỡng bản địa, cho sự du nhập và biến đổi của các tôn giáo ngoại lai hay sự hình thành của các tôn giáo nội sinh... nhằm đáp ứng nhu cầu tôn giáo của cộng đồng cư dân, trở thành cốt lõi trong bản sắc văn hóa tộc người.

Sống trong môi trường biển với vô vàn bất trắc, hiểm nguy, mỗi tộc người trong lịch sử sinh tồn và thích ứng của mình đã hình thành tâm thức tôn giáo, đồng thời không ngừng nhận thức, tích lũy kinh nghiệm ứng xử với biển. Theo đó, hệ thống thần biển được hình thành cùng với cơ sở thờ cúng, nghi lễ/ lễ hội và kiêng kỵ có liên quan. Bên cạnh đó, sự tiếp xúc qua lại giữa các tộc người cũng khiến cho tín ngưỡng, tôn giáo của họ vừa có điểm riêng, vừa có sự thống nhất trong văn hóa vùng miền và đất nước.

Đối với tộc người Việt: Người Việt ở vùng ven biển, hải đảo Việt Nam có nguồn gốc từ các nhóm di cư theo hai hướng. Thứ nhất, từ trong “nội đồng” vươn ra biển. Họ mang theo cơ cấu tổ chức xã hội truyền thống (gia đình, dòng họ, làng mạc...) cùng phương thức sản xuất nông nghiệp kết hợp với đánh bắt gần bờ và nuôi trồng thủy hải sản tại các vịnh nhỏ, dần an cư, lập nghiệp và xây dựng cộng đồng bền vững. Thứ hai, từ phía Bắc di cư vào phía Nam theo hành trình “Nam tiến” kéo dài trong lịch sử các triều đại phong kiến từ triều Lý - Trần cho tới triều Lê - Nguyễn. Trên hành trình bấp bênh, người Việt đã xây dựng cộng đồng cư dân theo thiết chế của ngôi làng Việt truyền thống vùng Bắc bộ, đồng thời, nảy sinh các phong tục, tập quán mới để thích ứng với điều kiện tự nhiên, sinh thái tại vùng đất mới. Không những thế, họ còn có sự giao thoa, tiếp biến văn hóa, tín ngưỡng với tộc người Chăm, người Hoa và người Khmer... Do đó, bên cạnh vị thành hoàng trang nghiêm trong đình làng, vị thần linh thiêng trong ngôi miếu... thế giới thiêng của tộc người này còn xuất hiện thêm nhiều vị thần mới với công năng đáp ứng nhu cầu của cộng đồng. Các thực hành tín ngưỡng vì thế cũng trở nên phong phú và đa dạng hơn, nổi trội là tục thờ cúng Cá Ông, thờ Bà Cậu, thờ Thủy Long Thần Nữ, Tiền hiền, Cô bác... Bên cạnh đó, họ còn là tín đồ Phật giáo, Công giáo, đạo Tin Lành và một số tôn giáo nội sinh khác...

Đối với tộc người Hoa: người Hoa từ sớm đã thiên di về phương Nam bằng nhiều con đường, trong đó có đường biển. Trước xung đột biên giới năm 1979, ở vùng Đông Bắc, số lượng người Hoa chiếm tới 75% dân số gốc Hoa ở miền Bắc, nhưng sau đó phần lớn đã hồi hương. Bộ phận nhỏ những người ở lại, đến nay văn hóa và phong tục truyền thống đã bị phai nhạt [Nguyễn Văn Chính, 2020: 3-23]. Vào giai đoạn thế kỷ XVI - XVII ở Đàng Trong, chính sách cai trị mềm mỏng và thúc đẩy thương mại biển của chúa Nguyễn đã thu hút nhiều thương nhân người Hoa tìm đến lánh nạn và xây dựng cuộc sống mới ở một số địa phương tại miền Trung Việt Nam [Đào Vĩnh Hợp, Võ Thị Ánh Tuyết, 2017: 12]. Trong khi, người Hoa ở vùng Nam bộ lại có lịch sử định cư muộn hơn, nhưng số lượng đông đảo và đạt được nhiều thành tựu về kinh tế, văn hóa và xã hội.

Cùng với các thiết chế kinh tế - xã hội, người Hoa tiến hành xây dựng nhiều cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo (chùa, đền, miếu...) nhằm đáp ứng nhu cầu tôn giáo của cộng đồng. Nhóm người Hoa ở Phan Thiết (Bình Thuận) thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân và các vị thần khác tại các cơ sở như: chùa Bà (còn gọi là Thiên Hậu cung, 1725), chùa Ông (đền Quan Thánh Đế Quân, 1770). Trong khi, tín ngưỡng, tôn giáo của người Hoa ở Bạc Liêu lại thể hiện rõ sự hỗn dung Tam giáo (Nho - Phật - Đạo) và tín ngưỡng dân gian, với các vị thần nổi bật như: Quan Công, Thiên Hậu, Phật Bà Quan Âm, cá Ông... được thờ tại: miếu (chùa) Ông Bồn (xã Vĩnh Thạnh), miếu cá Ông (xã Hiệp Thành), miếu Bà Thiên Hậu (thị trấn Gành Hào)... [Trương Thu Trang, 2017:93].

Đối với người Chăm: trong lịch sử, họ vốn là chủ nhân của vùng ven biển Nam Trung Bộ. Cùng với quá trình “Nam tiến” của người Việt, sự di cư của người Hoa, người Chăm đã lui dần về phương Nam. Từ chỗ là nhóm cư dân bám biển, vươn khơi, vừa khai thác, sản xuất vừa giao thương, buôn bán khắp nơi, người Chăm đã lui dần vào vùng nội địa. Những dấu vết nổi bật như giếng cổ (Nam Ô, Cù Lao Chàm, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo, Cồn Cỏ) và đền tháp (tháp PoSah Inu (Bình Thuận), tháp Bà Ponagar (Nha Trang), tháp Bánh Ít (Quy Nhơn)...) là di chỉ tại nhiều địa phương ven biển, hải đảo. Kỹ thuật, kiến trúc, điêu khắc của các công trình này, cùng với các giải mã về đời sống sinh hoạt, tôn giáo liên quan đã cho thấy dấu ấn văn hóa, thái độ ứng xử của tộc người trong hành trình song hành với biển... Mặc dù, một bộ phận không nhỏ người Chăm đã bị “Việt hóa”, song dấu ấn lịch sử tộc người vẫn trải dài trên các địa danh tại vùng đất Nam trung bộ hiện nay (Cù Lao Chàm, Chiên Hóa, Thanh Chiêm...) [Hà Đình Thành, Cb, 2016: 28]. Người Chăm ở duyên hải miền Trung tập trung chủ yếu ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận theo Bà la môn giáo, đạo Bà ni và Islam giáo. Trong những năm gần đây, một số đồng bào đã tiến hành từ cải đạo sang các tôn giáo khác như đạo Tin Lành, Công giáo, đạo Bahai, gây nên những bất ổn trong cộng đồng [Vũ Thế Công, Cb, 2023:103]

Đối với người Khmer: trong lịch sử, người Khmer là những cư dân gắn liền với vùng sông nước/biển ở Nam bộ. Họ định cư, đánh bắt và

in dấu văn hóa sông nước/biển của mình trên vùng đất trù phú này. Người Khmer sinh sống trong các Phum/sóc và mang tâm thức đa thần. Một mặt, họ thờ cúng Arak (tổ tiên theo mẫu hệ) và Neak Tà (thần bảo hộ khu vực đất đai)... mặt khác họ theo Phật giáo Nam tông. Phật giáo Nam tông truyền vào cộng đồng người Khmer Nam Bộ vào khoảng thế kỷ XIII- XIV và trở thành tôn giáo chủ đạo của cộng đồng này. Trong đời sống văn hóa của người Khmer, ngôi chùa là một công trình kiến trúc cộng đồng đặc biệt, tổng hòa nhiều chức năng: trung tâm tôn giáo, trường học, trung tâm văn hóa của Phum/sóc (trung tâm hội họp, bảo tàng văn hóa...), từ đường, đơn vị kinh tế, trung tâm từ thiện xã hội [Nguyễn Mạnh Cường, 2008: 62, 134-144].

1.2. Về giá trị tộc người, tôn giáo ở vùng ven biển và hải đảo ở Việt Nam

Thứ nhất, về giá trị niềm tin tôn giáo gắn với tộc người

Tôn giáo chứa đựng nhiều giá trị, trong đó có giá trị niềm tin. Giá trị này không chỉ giúp cho con người nhận thức được về vũ trụ, về thế giới tự nhiên vô cùng vô tận, về sự vận động, biến đổi khôn cùng của vũ trụ, về nguyên lý của sự vật, hiện tượng. Từ đó, đưa tới cách ứng xử của cá nhân, gia đình và cộng đồng trong cuộc sống và trong xã hội mà còn giúp con người có niềm tin vững chắc về sự che chở, phù hộ của các vị thần linh đối với cuộc sống, sinh kế của họ, về an toàn hiện sinh của họ. Do đặc trưng địa lý cùng với thói quen sinh hoạt, sinh kế gắn với biển, đảo, nên những cư dân của các tộc người thiểu số ở khu vực này có thể giới quan, nhân sinh quan và niềm tin vào những đối tượng thiêng bảo trợ cho cuộc sống, sinh kế và sinh mạng của họ.

Điều này được thể hiện tương đối rõ ràng với tín đồ Phật giáo các tộc người ven biển và hải đảo. Ngoài việc tôn thờ các đấng thiêng của Phật giáo, họ còn đặc biệt thành kính với Quán Thế Âm Bồ Tát hay còn gọi là Quan Âm Nam Hải – vị bồ tát có thể nghe được hết mọi nỗi thống khổ của chúng sinh, có quyền năng cứu khổ cứu nạn và đặc biệt cứu giúp các ngư dân khi gặp nạn. Chính vì vậy, trong tiềm thức các cư dân ven biển và hải đảo ở Việt Nam, vị trí của Quan Thế Âm Bồ Tát được đẩy cao. Tại các ngôi chùa ven biển và hải đảo, tượng của bà không chỉ được đặt trong chính điện, mà còn đặt trong khuôn viên

chùa. Hơn nữa, những bức tượng này bao giờ cũng được tạo tác với tầm vóc cao lớn, tư thế đứng và hướng mặt ra biển. Có thể kể đến tượng Quan Thế Âm tại chùa Linh Ứng (bức tượng Quan Âm cao nhất ở Việt Nam ở Sơn Trà, Đà Nẵng); tượng Quan Thế Âm tại chùa Vạn Phước (Bình Tân); tượng Phật Bà Nam Hải - Quan Âm Phật Đài (Nhà Mát, Bạc Liêu)...

Trường hợp tương tự như vậy cũng xảy ra với các cộng đồng Công giáo người Kinh ở ven biển, hải đảo Việt Nam, như tượng Chúa được làm với kích thước lớn đặt quay mặt ra biển ở Vũng Tàu; tượng đức mẹ ở cửa biển Dương Đông (nay đã di dời vào nhà thờ An Thới, Phú Quốc), hoặc với trường hợp tượng thánh Phê rô (vị thánh có xuất thân từ dân chài) ở ngoài sân đền Đức mẹ Fatima (Thanh Hải, Phan Thiết, Bình Thuận), ... Đặc biệt, các giáo xứ ven biển Nam Bộ còn có lễ hội biển mang hơi hướng của lễ hội Nghênh Ông [Trần Minh Hằng, 2022: 121], Những vị Phật, Thánh kể trên, tuy ở các tôn giáo khác nhau, nhưng vì xuất thân hay vì những quyền năng mà họ sở hữu nên dân cư vùng ven biển, hải đảo đều tin rằng, họ luôn theo sát, bảo vệ không chỉ cho ngư dân trong vùng mà còn cho ngư dân ở các vùng miền khác.

Trường hợp người Chăm Bà la môn: vào khoảng thế kỷ thứ II – III sau Công nguyên, khi Bà la môn giáo là một loại hình tôn giáo ngoại sinh đề cao phụ quyền thâm nhập vào xã hội Chăm vốn là một tộc người đề cao mẫu quyền. Một bộ phận người Chăm sau khi tiếp nhận loại hình tôn giáo mới này đã tiếp nhận cả những giá trị nhận thức về thế giới, về con người,... nhưng dưới sự tác động của yếu tố tộc người, những giá trị này đã có sự thay đổi nhất định. Diễn hình như trong thuyết sáng thế, từ chỗ Bà la môn giáo quan niệm rằng thế giới được sáng tạo, xây dựng và hủy diệt bởi bộ ba nam thần Brahma – Vishnu – Shiva (Trimurti) nhưng người Chăm Bà la môn lại cho rằng Mẹ xứ sở Yang Po Inur Nugar mới là người sáng tạo ra thế giới và vạn vật. Vì vậy, bà được thờ phụng rộng rãi trong khắp cộng đồng này ở ven biển từ miền Trung đến Nam Trung Bộ. Chưa dừng lại ở đó, trải qua một thời gian dài cộng cư, giao lưu và tiếp biến văn hóa, hình tượng Bà mẹ xứ sở của người Chăm đã dần Việt hóa và trở thành nữ thần của người Việt với nhiều danh xưng như: Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi, Ngọc

Bà Thiên Yana, Thiên Yana Diễn Bà chúa Ngọc Thánh Phi (bà Chúa Ngọc), Tiên Y Thánh Mẫu (Mẫu)... Bà được triều Nguyễn sắc phong là Hồng Nhân Phổ Tế Linh Ứng Thượng đẳng thần, là người mẹ thiêng liêng của người Việt trên dải đất miền Trung. Ở mỗi địa phương khác nhau, dưới sự tác động của đời sống văn hóa khu vực và ước vọng của cộng đồng dân cư, hình tượng Yang Pô Inur Nugar/Thiên Yana sẽ có những biến đổi nhất định. Những biến đổi này được thể hiện ở hai phương diện. Một là có nhiều tên gọi khác nhau như: Thiên Yana, bà Chúa Ngọc, bà Bô Bô, bà Thu Bồn, bà Mẹ Đất, Mẹ Sông...[Huỳnh Thiệu Phong, 2022]; hai là có nhiều quyền năng khác nhau: với ngư dân, Bà được coi là vị thánh phù hộ cho nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản (như ở Cam Lâm, Cam Ranh, Vạn Ninh...); với nông dân, Bà được thờ với tư cách là Thánh Mẫu dạy cho dân biết trồng trọt, phù hộ mùa màng, khai hóa văn minh; với cư dân thành thị, đặc biệt là người làm ăn buôn bán, Bà lại được thờ như một vị phúc thần, phù hộ buôn may, bán đắt; với cư dân chuyên nghề khai thác lâm sản, đặc biệt là trầm hương và kỳ nam thì Thiên Yana lại trở thành Bà chúa Trầm hương... [Nguyễn Thị Thanh Vân, 2009]. Có thể nói, trong điều kiện và hoàn cảnh sống nào, các tôn giáo đều cung cấp cho cư dân các tộc người ven biển những “chiếc phao cứu sinh” phù hợp, giúp họ thoả mãn niềm tin về sự che chở đối với cuộc sống của mình.

Thứ hai, giá trị luân lý đạo đức tôn giáo gắn với tộc người

Các giáo lý, giáo luật của từng loại hình tôn giáo, về cơ bản dùng để ước thúc và hướng dẫn tín đồ trong quá trình tu tập và thực hành tôn giáo, nhưng bên cạnh đó còn trở thành một “cơ chế” luân lý vô hình dẫn dắt hành vi đạo đức trong các cộng đồng tôn giáo và góp phần làm cho xã hội trở nên trật tự, bình an và tốt đẹp hơn. Phật giáo đề cao lòng từ bi, vô ngã, vị tha, khuyến khích con người làm điều thiện, tránh điều ác, khuyến khích tín đồ thực hành Ngũ giới, thập thiện, ...; Công giáo với chủ trương “Kính chúa, yêu người” với Mười điều răn (Thờ phượng một Đức Chúa Trời và kính mến người trên hết mọi sự; Chớ kêu tên Đức Chúa trời vô cớ; Giữa ngày Chúa Nhật; Thảo kính cha mẹ; Chớ giết người, Chớ làm sự dâm dục; Chớ lấy của

người; Chớ làm chứng dối); đạo Tin Lành “Kính chúa và yêu nước”; Bà la môn giáo với các giới luật dành cho người tu hành (Phải biết chữ Chăm; Phải giữ cho tâm hồn trong sạch; Không nhìn gái đẹp, không ham vợ người khác, không lấy hai vợ; Không tham lam đồ của người khác; không sát sinh; Phải tích đức cho con cháu và tín đồ...), ... đều là các quy định nhằm chỉnh đốn hành vi con người và khuyến khích tín đồ thực hiện điều lành, tránh điều ác, góp phần làm đầy đặn thêm truyền thống tốt đẹp của người dân Việt Nam.

Các tôn giáo ở khu vực ven biển, hải đảo nước ta không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh mà còn xây dựng hệ giá trị luân lý đạo đức, hướng dẫn tín đồ tu tâm, dưỡng tính, trở thành những con người có ích cho xã hội, biết yêu thương đồng loại, yêu thương vạn vật, tôn trọng môi trường sinh thái; biết chăm sóc, nuôi trồng và khai thác hợp lý nguồn hải sản để vừa đem lại kinh tế cho gia đình, vừa góp phần phát triển kinh tế đất nước.

Tuy nhiên, cũng giống như trên, yếu tố tộc người vẫn luôn tồn tại trong cộng đồng các tôn giáo. Trường hợp người Chăm Bà ni chịu ảnh hưởng của Islam giáo nhưng vẫn bảo lưu những giá trị đạo đức tốt đẹp của tộc người, điều này, thể hiện rõ qua tục thờ cúng và tưởng nhớ ông bà tổ tiên (Islam giáo chỉ tôn thờ duy nhất thánh Allah và nhóm Chăm Islam chính là một ví dụ). Trước khi bước vào tháng Ramurwan - tháng nhịn ăn theo quy định của tộc người, người dân thực hiện lễ tẩy mộ, cúng tại gia, mời ông bà tổ tiên về với con cháu và cầu nguyện cho xóm làng được bình yên, nhà nhà sung túc, người người an lành, hạnh phúc, mùa màng tươi tốt... Trước ngày lễ chính (theo lịch Islam), các vị chức sắc Bani và các ban Hakem vào chùa thực hiện nghi lễ tháng nhịn ăn. Thời gian này, họ sinh hoạt tại chùa, chỉ được phép ăn uống khi mặt trời đã lặn (trừ phụ nữ có thai, trẻ em, người già bệnh đau). Giống như Chăm Islam, người Chăm Bà ni quan niệm rằng, thực hiện tháng nhịn ăn là làm cho thể xác, tinh thần trong sạch, chế ngự những ham muốn tầm thường, hướng tới cái đẹp, hướng tới chân thiện mỹ, đoàn kết cộng đồng, dân tộc.

Thứ ba, giá trị văn hóa của tộc người, tôn giáo: Giá trị văn hóa tộc người, tôn giáo của cư dân vùng ven biển và hải đảo thể hiện chủ yếu trên hai phương diện:

Một là, các cơ sở thờ tự của các tộc người tôn giáo đã tạo nên kho tàng di sản văn hóa vật thể phong phú, đa dạng và đặc sắc trong hệ thống kiến trúc tôn giáo Việt Nam. Chạy dài từ Bắc chí Nam với 125 huyện thị giáp biển thuộc 28 tỉnh/ thành phố của nước ta¹ hầu như nơi nào cũng có các cơ sở tôn giáo ven biển. Nếu như ở Bắc bộ nổi trội với những ngôi chùa của Phật giáo, nhà thờ của Công giáo (hoặc đạo Tin Lành); thì từ miền Trung trở vào còn có thêm hệ thống đền tháp của người Chăm Bà la môn, chùa của người Chăm Bà Ni, thánh đường Islam; các thánh thất của đạo Cao Đài; các chùa của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam; các ngôi chùa Nam tông của người Khmer (ở ven biển Tây Nam Bộ); ngoài ra ở Đà Nẵng, Bình Thuận, Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh còn có nhiều ngôi chùa của người Hoa... Bên cạnh đó, trên các hòn đảo lớn nhỏ của nước ta² cũng có sự phân bố các cơ sở tôn giáo đa dạng. Tính đến tháng 6/2014 thì trên các hải đảo của Việt Nam đã có tới 52 cơ sở thờ tự Phật giáo có sinh hoạt, hoạt động [Ban Tôn giáo Chính phủ, 2014]. Đến thời điểm hiện tại, con số này có lẽ cũng đã tăng lên nhiều. Ngoài cơ sở thờ tự Phật giáo, tại các hải đảo ở Việt Nam còn có nhiều loại hình công trình tôn giáo khác, đáp ứng sinh hoạt của tín đồ như: ở đảo Phú Quốc có một cơ sở thờ tự của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam; hai cơ sở thờ tự của đạo Cao Đài; một nhà thờ; ở đảo Phú Quý có năm cơ sở thờ tự đạo Cao Đài; đảo Lý Sơn có một cơ sở thờ tự đạo Cao Đài... Ngoài các cơ sở thờ tự, hệ thống các tượng thờ, đồ thờ... cũng góp phần làm phong phú thêm kho tàng văn hóa vật thể trong tôn giáo của cộng đồng cư dân tộc người tôn giáo ven biển và hải đảo ở nước ta.

Hai là, góp phần vào bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam. Các nghi lễ, lễ hội của các nhóm tộc người, tôn giáo cư dân ven biển và hải đảo đã làm phong phú thêm nền văn hóa khu vực nói riêng và của cả nước nói chung. Phật giáo với lễ Phật Đản, lễ Vu Lan, nghi lễ cúng cầu an đầu năm, cầu siêu cho các anh hùng liệt sỹ....; Công giáo, đạo Tin Lành với lễ Giáng sinh; đạo Cao Đài

với hội Yến Diêu Trì Cung; Chăm Bà la môn với lễ hội Ka tê (tết Ka tê của người Chăm Bà La môn ở Ninh Thuận và Bình Thuận lần lượt được công nhận là di sản phi vật thể quốc gia vào những năm 2017, 2022) và nhiều lễ hội của các tộc người khác chính là kho tàng văn hóa dân tộc tôn giáo đặc sắc của cộng đồng cư dân ven biển. Những nghi lễ, lễ hội này với nghi thức, diễn xướng, trang phục, ẩm thực,... không chỉ tạo ra không gian thiêng để con người kết nối với thần linh mà còn tạo ra môi trường giao lưu và trao truyền văn hóa.

Các giá trị khác của tộc người, tôn giáo (kinh tế, an ninh quốc phòng...)

Với hệ thống cơ sở thờ tự phong phú, trải dài từ Bắc vào Nam, đi kèm là các nghi lễ, lễ hội tôn giáo đã không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh tôn giáo của các tín đồ mà còn là nguồn lực cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của cộng đồng sở tại, đặc biệt ở lĩnh vực du lịch tôn giáo. Theo thống kê của Tổng cục Du lịch, năm 2019, vùng ven biển của Việt Nam có 323 điểm du lịch, chiếm 61,5% số điểm du lịch của cả nước. Nhiều điểm đến du lịch ở vùng ven biển đã trở nên nổi tiếng thế giới, như vịnh Hạ Long, đảo Cát Bà, Phong Nha - Kẻ Bàng, vịnh Xuân Đài [Phạm Thị Trâm, Lê Hồng Ngọc, 2023], các bãi biển ở Đà Nẵng, Quy Nhơn, Ninh Thuận, Bình Thuận, Vũng Tàu, ... Các cơ sở thờ tự của các loại hình tôn giáo ở ven biển và hải đảo đều trở thành điểm tham quan thu hút đông đảo du khách, có thể kể đến như: chùa Xuân Lan (Móng Cái), chùa Yên Tử, chùa Cái Bầu (Quảng Ninh), chùa Linh Ứng (Đà Nẵng), hệ thống tháp Chăm từ Đà Nẵng trở vào; các nhà thờ Công giáo, đạo Tin Lành dọc bờ biển, các chùa Khmer ở vùng ven biển miền Tây Nam Bộ...

Ngoài ra, các cơ sở thờ tự tôn giáo ở vùng ven biển và hải đảo không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của một bộ phận tín đồ thuộc các tộc người, mà còn mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng về an ninh quốc phòng, được coi là những cột mốc tâm linh khẳng định chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

2. Vấn đề gìn giữ giá trị tộc người, tôn giáo ở vùng ven biển và hải đảo ở Việt Nam hiện nay

2.1. Thành tựu trong gìn giữ các giá trị tộc người, tôn giáo ở vùng ven biển, hải đảo hiện nay

Một là, đã trùng tu, tôn tạo nhiều cơ sở tôn giáo thuộc các tộc người vùng ven biển, hải đảo

Nhiều di tích tôn giáo, tộc người vốn đã được xây dựng từ xa xưa, vì các điều kiện khách quan, do ảnh hưởng của chiến tranh, thiên tai dẫn đến di tích bị xuống cấp, đổ nát hoặc thậm chí đã biến mất hoàn toàn, tuy nhiên, nhiều năm gần đây, các di tích đã dần được khôi phục lại. Kinh phí thực hiện thường đến từ hai nguồn: một là, từ ngân sách Nhà nước; hai là, nguồn kinh phí xã hội hóa (đóng góp của người dân, doanh nghiệp tại địa phương, trong nước, thậm chí là cả ở nước ngoài). Với sự thống nhất cao, nhiều cơ sở tôn giáo của các tộc người vùng ven biển, hải đảo đã được tu bổ, tôn tạo, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của cư dân trong vùng, nhiều cơ sở còn trở thành địa điểm du lịch, có sức thu hút với khách tham quan trong và ngoài nước.

Mặc dù còn nhiều khó khăn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh phí, nhưng một số tháp Chăm ở khu vực miền Trung đã được tu bổ và trở thành những điểm du lịch nổi tiếng của địa phương. Có thể kể đến quần thể Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam), tháp PoIna Nagar (Khánh Hòa), các tháp Po Klaong Garai, Po Rômê (Ninh Thuận), tháp Tháp Po Sah Inur, Po Dam (Bình Thuận) hay các ngôi chùa Phật giáo Nam tông của người Khmer,... Trong thực tế, việc trùng tu hoặc xây mới cơ sở thực hành tôn giáo này không phải lúc nào cũng “thuận buồm xuôi gió”, một phần vì hành lang pháp lý còn thiếu cụ thể, chưa kịp thời, một phần, vì điều kiện kinh tế và trong một số trường hợp vì chính chủ thể văn hóa không có nhu cầu. Về vấn đề này, ông Nguyễn Thế Hùng – nguyên Cục trưởng Cục Di sản văn hóa đã đưa ra ý kiến như sau: “Tu bổ di tích là công việc của muôn đời. Mặc dù trong mấy chục năm qua chúng ta đã đạt được những kết quả quan trọng, nhưng vẫn còn nhiều di tích xuống cấp cần được tu bổ trong những năm tới. Vì vậy, yêu cầu không ngừng nâng cao nhận thức về khoa học bảo tồn di tích, nắm vững thực trạng di tích cùng những đòi hỏi cấp bách đang đặt ra từ nhận thức ấy, thực trạng ấy để quản lý chặt chẽ và triển khai có hiệu quả các hoạt động tu bổ di tích nhằm gìn giữ những giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích đã và đang là nhiệm vụ hết

sức nặng nề của các ngành, các cấp và của mỗi người dân” [Nguyễn Thế Hùng, 2023].

Hai là, đã tiến hành xây mới nhiều cơ sở tôn giáo thuộc các tộc người vùng ven biển, hải đảo

Trong những thập niên gần đây, nhiều ngôi chùa, nhà thờ được xây mới tại các địa phương ven biển nằm trong quy hoạch của các khu du lịch hoặc trên các tuyến du lịch tôn giáo, tâm linh: chùa Cái Bầu (còn gọi là Trúc Lâm Giác Tâm) được khởi công xây dựng từ năm 2007 trên nền móng của ngôi đền Phúc Linh – nơi thờ các tướng nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông. Năm 2009, các hạng mục hoàn thiện, khánh thành trên diện tích khoảng 20 ha, trở thành trung tâm tu tập, thực hành Phật Giáo của tăng ni, tín đồ và người dân địa phương. Đồng thời, với vị trí bên cạnh khu du lịch Bãi Dài – Vân Đồn, ngôi chùa trở thành một điểm dừng chân trong tuyến du lịch ở Quảng Ninh.

Đối với vùng hải đảo, theo số liệu thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, tính đến thời điểm tháng 6 năm 2014, các hải đảo của nước ta có tổng số 52 ngôi chùa, bao gồm các ngôi chùa đã được tu bổ, trùng tu sau khi xuống cấp, hư hỏng, và cả các ngôi chùa mới. Chỉ tính riêng trên quần đảo Trường Sa đã có ba ngôi chùa thuộc các đảo Trường Sa Lớn, đảo Sinh Tồn và đảo Song Tử Tây được phục dựng năm vào năm 2008, khánh thành vào năm 2010 và ba chùa được phục dựng vào đầu năm 2013, khánh thành vào năm 2014. Đến năm 2020, ở Trường Sa lại tiếp tục xây dựng ba ngôi chùa mới ở Trường Sa Đông, Sinh Tồn Đông và Đá Tây Á, đưa tổng số chùa ở đây lên đến chín ngôi - là nơi sinh hoạt tôn giáo và đáp ứng nhu cầu về tâm linh của cư dân trên đảo. Các ngôi chùa này cùng với cơ sở tín ngưỡng đã trở thành những cột mốc tâm linh vững chãi, sừng sừng giữa biển khơi, góp phần ổn định “anh ninh tinh thần” cho đồng bào và chiến sĩ trên đảo, có ý nghĩa quan trọng trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của tổ quốc [Trần Thanh, 2022].

Ba là, đã khôi phục nhiều nghi lễ/ lễ hội tại các cơ sở tôn giáo thuộc các tộc người vùng ven biển, hải đảo

Song song với việc trùng tu, tôn tạo và xây dựng mới các cơ sở thờ tự, việc củng cố, phục dựng các nghi lễ, lễ hội tôn giáo của tộc người cũng được đặc biệt quan tâm. Theo chiều dài lịch sử, các lễ hội không hề bất động mà luôn vận động, biến đổi. Mỗi một lớp “trầm tích” trong lễ hội đều mang trong mình những đặc điểm thuộc các phương diện khác nhau của đời sống xã hội, là nguồn tư liệu vô cùng phong phú và sống động để chúng ta có thể dựa vào để tìm hiểu về quá khứ, dự báo về tương lai. Vì vậy, khôi phục các nghi lễ, lễ hội là việc làm cần thiết trong bối cảnh Đảng và Nhà nước đang đẩy mạnh việc phát huy giá trị của tôn giáo trong cộng đồng các tộc người ở biên giới, ven biển và hải đảo.

Lễ hội Katê là một trong những nghi lễ quan trọng của cộng đồng người Chăm Bà la môn ở Ninh Thuận và Bình Thuận đã dần khôi phục trong những thập niên gần đây. Trong đó, lễ hội Katê của người Chăm ở Ninh Thuận đã được nhà nước đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia vào năm 2017, lễ hội Katê của người Chăm ở Bình Thuận vừa được đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia vào năm 2022. Việc công nhận Di sản phi vật thể đối với các lễ hội này là cơ sở cho việc bảo tồn, gìn giữ các giá trị tôn giáo của cộng đồng. Lễ hội Katê đã đáp ứng nhu cầu tôn giáo của cộng đồng người Chăm, vừa góp phần quảng bá văn hóa đặc sắc của tộc người, tạo ra một địa chỉ du lịch tôn giáo thu hút du khách đến với các địa phương. Lễ hội Katê tổ chức tại tháp Pô Sah Inur là điểm nhấn trong đời sống tâm linh, tôn giáo của cộng đồng người Chăm Bà la môn, cũng là điểm nhấn trong việc phục dựng các lễ hội tôn giáo của tộc người ở Việt Nam. Đồng thời, lễ hội Katê đã làm sống lại không gian thiêng ven biển - nơi tổ tiên của người Chăm đã định cư, an trú.

Đối với người Khmer, sinh hoạt nghi lễ và các hoạt động liên quan trong ngôi chùa tại Phum/sóc là trọng tâm của đời sống tôn giáo, tinh thần. Riêng một bộ phận người Khmer sống và mưu sinh ở ven biển Nam bộ, ngoài là tín đồ Phật giáo, họ còn thực hành tín ngưỡng liên quan tới biển. Tiêu biểu có lễ hội cúng Phước Biển, còn có tên là Chrôi Rum Chéck của cư dân Khmer vùng Vĩnh Châu (TX. Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng) và lễ hội cúng biển của người Khmer ở Bạc Liêu. Các

ngghi lễ này, ngoài hoạt động của cộng đồng còn có sự tham gia tích cực của nhà sư, Phật tử nhằm tạ ơn trời đất, các vị thần, các bậc tiền nhân đã có công khai phá, tạo tiền đề cho người Khmer sinh sống trên vùng đất ven biển này; nhất là, cầu cho ngư dân đánh cá đầy ghe, lúa khoai đầy nhà.... Điều đáng chú ý là nghi lễ này ngày càng được phục hồi và mở rộng quy mô, đặc biệt thấy rõ xu hướng ảnh hưởng mạnh mẽ của Phật giáo. Nhiều nghi lễ Phật giáo Nam tông với sự tham gia của các tăng sĩ (tụng kinh cầu an, làm lễ Tam bảo; thọ ngũ giới; nghe thuyết pháp...) đã làm tăng thêm dấu ấn tộc người – tôn giáo tại địa phương, làm chặt chẽ hơn bản sắc tộc người trong mối liên hệ với các tộc người lân cận. Đây là điểm đặc sắc, thu hút nhiều người trong hành trình du lịch tâm linh, tôn giáo[Trương Thu Trang, 2015: 33].

Thực tế cho thấy, lễ hội, nghi lễ tôn giáo nói chung và tôn giáo ở các tộc người ven biển nói riêng không chỉ quy tụ tín đồ tôn giáo của tộc người mà còn thu hút sự tham dự của rất nhiều du khách, những người yêu quý văn hóa tộc người đến tham dự. Đây chính là cơ hội để mọi thành viên trong cộng đồng được giao lưu, gặp gỡ, trao đổi, tâm tình. Có thể nói, việc phục dựng và củng cố các nghi lễ, lễ hội tôn giáo của các tộc người không chỉ có ý nghĩa quan trọng cho việc bảo lưu các giá trị văn hóa tộc người mà còn tăng cường đoàn kết và giao lưu cộng đồng. Trong những dịp lễ trên, chúng ta có thể dễ dàng bắt gặp hình ảnh những tín đồ của tôn giáo khác đến tham dự lễ hội, tham dự nghi lễ với tư cách là khách mời hoặc do yêu quý mà đến. Ngoài ra, các nghi lễ, lễ hội này chính là phần hồn của di tích, là lý do quan trọng để thu hút sự chú ý của khách du lịch từ khắp nơi kéo đến.

Việc trùng tu các cơ sở tôn giáo cũ, xây dựng các cơ sở tôn giáo mới, phục dựng nghi lễ/lễ hội, và mở rộng quy mô ảnh hưởng của nghi lễ/lễ hội tôn giáo đã góp phần bảo lưu các yếu tố lõi của trong quan hệ tộc người, tôn giáo theo hướng tìn nhà biển, xây dựng vững chắc “an ninh tinh thần” cho cộng đồng tộc người nói riêng và cho cộng đồng cư dân Việt Nam nói chung.

2.2. Xây dựng và hoàn thiện dần “vành đai tôn giáo”, cố kết cộng đồng tộc người, giữ vững chủ quyền biển đảo

Các tôn giáo với hệ thống giáo lý và giáo luật luôn định hướng con người đi tới giá trị chân – thiện – mỹ, không ngừng hoàn thiện bản thân, góp phần làm ổn định trật tự, xây dựng tinh thần khoan dung, nhằm phát triển bền vững xã hội. Đối với vấn đề dân tộc, “tôn giáo là nhân tố góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa của các dân tộc trong quá trình giao lưu, hội nhập phát triển và toàn cầu hóa” [Nguyễn Văn Thanh, 2015: 121].

Gìn giữ và phát huy giá trị tộc người, tôn giáo thông qua bảo tồn, trùng tu, tôn tạo các cơ sở tôn giáo; tôn trọng giáo lý, giáo luật, nghi lễ/ lễ hội là hành động quan trọng trong đảm bảo quyền tự do tôn giáo; đảm bảo ổn định chính trị, xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế, nhất là du lịch tôn giáo ở địa bàn dân tộc, tôn giáo. Trong chiến lược biển của Việt Nam, vấn đề “dân sự hóa” trên biển, đảo được coi là nhiệm vụ cấp bách, trong đó nhấn mạnh tổ chức dân cư sinh sống (an cư), tổ chức sản xuất và khai thác trên biển, đảo. Để người dân yên tâm bám biển, bên cạnh các chính sách liên quan đến hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu (đường – trường – trạm), chính sách khuyến khích nhân dân định cư tại các đảo, quần đảo thì việc xây dựng và ổn định đời sống tinh thần cũng được đặt ra. Trong đó, các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo cùng các nghi lễ/lễ hội được xem như những “cột mốc tinh thần” đảm bảo “an ninh tinh thần” cho người dân/cộng đồng cư dân để họ yên tâm trong hành trình mưu sinh gắn bó với biển, đảo. Điều này, một mặt thể hiện ý chí chiến lược của Đảng và Nhà nước trong phát triển bền vững vùng biển, đảo; bảo vệ chủ quyền lãnh thổ đất nước; mặt khác, đáp ứng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân; tôn trọng quyền bình đẳng giữa các tộc người để thực hiện chính sách “đại đoàn kết toàn dân tộc”.

Thành phố Móng Cái (Quảng Ninh) – là thành phố ven biển, nơi địa đầu cực Bắc của Tổ quốc, với các cột mốc đánh dấu đường biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc. Trong chiến lược phát triển du lịch của thành phố, yếu tố du lịch tâm linh luôn được đề cao. Mỗi di tích trong tổng số 59 di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được kiểm kê, xếp hạng đều được thành phố xem như những “cột mốc tâm linh”, “cột mốc văn hóa”... khẳng định chủ quyền về mặt văn hóa,

tôn giáo của Việt Nam. Đền Xã Tắc, những đình làng (Trà Cỏ, Bình Ngọc, Trảng Lộ) là nơi sinh hoạt tín ngưỡng dân gian, những ngôi chùa (Xuân Lan, Nam Thọ) là nơi thờ tự của Phật giáo; nhà thờ Trà Cỏ (còn gọi là nhà thờ Trảng Vĩ) là nơi sinh hoạt của các giáo dân Công giáo đều được quan tâm gìn giữ, trùng tu. Đặc biệt, công tác tôn giáo luôn được gắn liền với việc xây dựng khối đoàn kết toàn dân bảo vệ an ninh biên giới, bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của tổ quốc, trong đó, đặc biệt chú trọng tới hoạt động đối ngoại, ngoại giao nhân dân giữa người Việt ở hai bên biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

Mặt khác, tín ngưỡng, tôn giáo là một yếu tố quan trọng trong nhận diện bản sắc tộc người. Mỗi tôn giáo với các yếu tố liên quan như: cơ sở thờ tự, nghi lễ, lễ hội... cùng với các khía cạnh về âm nhạc, trang phục, ẩm thực... đã hình thành nên bản sắc tộc người, góp phần cổ kết cộng đồng tộc người trong tâm thức chung về đối tượng thiêng, về giáo lý giáo luật... Tuy nhiên, thực tế cho thấy sự đa dạng tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam không chỉ xuất phát từ tâm thức riêng lẻ của mỗi cộng đồng tộc người, mà còn là kết quả của chính sách khoan dung tôn giáo và cổ kết cộng đồng các tộc người trong khối đoàn kết chung của dân tộc. Trong môi trường biển đầy bất trắc, việc giao lưu giữa các tộc người và giao lưu quốc tế tộc người càng trở nên quan trọng. Các tộc người ven biển Việt Nam với lịch sử cộng cư đã có sự giao lưu văn hóa, kinh tế, xã hội diễn ra trên bề rộng và chiều sâu, trong đó có sự giao thoa về tín ngưỡng, tôn giáo thể hiện ở cơ sở thờ tự, nghi lễ và cộng đồng thờ cúng.

Sự ảnh hưởng của người Việt đến người Chăm thể hiện bằng sự chuyển hóa hình tượng người Mẹ xứ sở Yang Po Inur Nugar trở thành Thiên Y Ana, Linh Sơn Thánh Mẫu, Bà Chúa Ngọc, Bà Chúa Xứ... của người Việt. Sự ảnh hưởng tín ngưỡng của người Khmer đến các cộng đồng khác dễ nhận thấy nhất là thờ cúng Neak Tà với sự xuất hiện của các miếu ông Tà trong không gian sinh sống và cả các cơ sở tôn giáo của người Việt và người Hoa. Ở vùng người Hoa cộng cư với người Khmer ở Sóc Trăng, nhiều ngôi miếu thờ Thổ thần của người Khmer còn đặt thêm tấm bài vị “Phúc Đức Chính Thần” (tức Ông Bồn)

bên trong. Sự giao thoa tôn giáo giữa cộng đồng người Việt và người Hoa còn thể hiện ở việc kiến tạo các cơ sở tôn giáo chung. Có thể kể đến các trường hợp như: chùa Ông (số 411 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn) và chùa Bà (số 152 Trần Hưng Đạo TP. Quy Nhơn) được người Hoa và người Việt cùng hưng công xây dựng có thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu; chùa Hải Nam và Trường tiểu học Minh Nam (nay là trường tiểu học Lê Quý Đôn, 04, đường Chu Mạnh Trinh, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên) do bà con người Hoa ở Phú Yên và người dân địa phương lân cận cùng quyên góp tiền để xây dựng [Đào Vĩnh Hợp, Võ Thị Ánh Tuyết, 2018: 17].

Mặt khác, tôn giáo và tín ngưỡng dân gian có mối liên hệ chặt chẽ, cùng đáp ứng nhu cầu của người dân và tín đồ. Trong đó, phổ biến là đối tượng thiêng các tôn giáo được chuyển hóa thành các vị thần của tín ngưỡng dân gian. Phổ biến khắp dải ven biển miền Trung và miền Nam là tâm thức về Phật bà Quan Âm (Quan Âm Nam Hải) cứu khổ cứu nạn, cứu giúp ngư dân trong cơn sóng cả (gắn với truyền thuyết về cá Ông). Tượng thờ bà xuất hiện phổ khắp các không gian tôn giáo (chùa) lẫn tín ngưỡng (lăng miếu, đền), thậm chí tại các tư gia. Đặc biệt phải kể đến Quán Âm Phật Đài (Nhà Mát, Bạc Liêu) là một trung tâm hành hương, nơi quy tụ các Phật tử, du khách xa gần [Trương Thu Trang, 2017: 92].

Có thể nói, việc gìn giữ, phát triển các cơ sở tôn giáo, tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật không chỉ đáp ứng nhu cầu tôn giáo, tinh thần của người dân, góp phần cổ kết cộng đồng tôn giáo, cộng đồng tộc người ven biển, hải đảo mà còn tạo cơ sở để giá trị tộc người, tôn giáo được phát huy, đóng góp vào sự phát triển của quốc gia. Mỗi một cơ sở tôn giáo của tộc người, dù là cơ sở đã có nền móng từ xa xưa, cơ sở mới được phục dựng hay cả các cơ sở mới được xây dựng đều là những chứng cứ lịch sử, minh chứng quan trọng – những “cột mốc tâm linh” khẳng định chủ quyền của quốc gia.

Kết luận

Vấn đề tộc người, tôn giáo ở Việt Nam là vấn đề chiến lược luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, định hướng nhằm xây dựng khối

đại đoàn kết toàn dân tộc, đáp ứng quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng của người dân trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng. Tùy vào bối cảnh lịch sử, văn hóa của mỗi vùng miền mà sự phân bố các nhóm tộc người, tôn giáo có sự khác nhau. Nếu như ở vùng ven biển và hải đảo miền Bắc, yếu tố tộc người tương đối thuần nhất. Đại bộ phận cư dân bám biển là người Kinh (Việt) với lịch sử cư trú lâu đời, một số ít người thuộc (Việt gốc Hoa) sinh sống tại đây nhưng đã phai nhạt truyền thống văn hóa, tôn giáo của mình. Trong khi, ở miền Trung và miền Nam thì ngoài cộng đồng người Kinh chiếm số đông, còn có cộng đồng người Chăm, người Hoa, người Khmer gần với biển. Các cộng đồng tộc người này, bên cạnh thực hành các tín ngưỡng truyền thống thì còn là tín đồ các tôn giáo lớn như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, tôn giáo nội sinh (đạo Cao Đài, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, Phật giáo Hòa Hảo...).

Mặc dù thành phần tộc người ở vùng ven biển và hải đảo không có sự đa dạng, phức tạp như ở các khu vực miền núi và trung du khác ở Việt Nam, nhưng sự đa dạng về nguồn gốc cư dân, lịch sử cư trú, lại sinh sống trong môi trường biển nhiều khác biệt đã khiến cho các tộc người ven biển và hải đảo mang tâm thức tôn giáo, thực hành nghi lễ đặc trưng. Việc xây dựng mối quan hệ tộc người, tôn giáo tại đây có ý nghĩa quan trọng trong cố kết cộng đồng, hướng đến phát triển bền vững kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh và chủ quyền biển đảo quốc gia. Thực tế cho thấy, các tộc người ở ven biển, hải đảo Việt Nam cư trú ở thể đan cài, có sự giao lưu và tương đối ổn định về chính trị. Trong thực hành tôn giáo, thay vì có sự phân biệt, các cộng đồng tộc người này đã thể hiện tinh thần khoan dung, hòa đồng cùng phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức, tôn giáo của riêng tộc người mình, đồng thời có sự giao thoa, tích hợp các giá trị văn hóa tôn giáo của tộc người khác. Họ đã thực hiện tinh thần đoàn kết, cùng nhau xây dựng các phong trào văn hóa do các bộ, ban, ngành phát động, hướng tới xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, không vướng tệ nạn xã hội; cùng nhau xây dựng quê hương, đất nước - tạo nên sự thống nhất trong đa dạng văn hóa, sắc tộc ở Việt Nam.

Đặc biệt, ở vùng ven biển và hải đảo của Việt Nam, các yếu tố tôn giáo có sự thống nhất, đồng thời cũng thể hiện đặc trưng tộc người gắn với lịch sử cư trú và đặc điểm sinh tồn. Việc gìn giữ các giá trị tôn giáo, tộc người, ngoài quan tâm tới bản sắc văn hóa tộc người; tính thống nhất trong tổ chức của mỗi tôn giáo, còn cần chú ý tới những tình huống phát sinh trong mối quan hệ tộc người, tôn giáo như: vấn đề cải đạo, tranh chấp đất đai, biểu tượng.../.

CHÚ THÍCH

- 1 Trong cả nước có 28 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giáp biển, bao gồm: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang. [dẫn theo: Nguyễn Chí Bền (chủ biên), 2019: 11].
- 2 Trong cả nước có 12 huyện đảo, bao gồm: Cô Tô, Vân Đồn (Quảng Ninh); Bạch Long Vĩ, Cát Bà (Hải Phòng); Côn Cỏ (Quảng Trị); Hoàng Sa (Đà Nẵng); Lý Sơn (Quảng Ngãi); Trường Sa (Khánh Hòa); Phú Quý (Bình Thuận); Côn Đảo (Bà Rịa – Vũng Tàu); Kiên Hải, Phú Quốc (Kiên Giang). [dẫn theo: Nguyễn Chí Bền (chủ biên), 2019: 11].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tôn giáo Chính Phủ (2014), *Báo cáo tổng quan Dự án “Khảo sát thực trạng Phật giáo vùng dân tộc biên giới và hải đảo – đề xuất chủ trương và biện pháp”*, do Bùi Hữu Dược làm chủ nhiệm, Hà Nội.
2. Nguyễn Chí Bền (cb) (2019), *Văn hóa biển đảo Việt Nam, T1: Tổng quan văn hóa biển đảo Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, H.
3. Nguyễn Văn Chính (2020), “Người Hoa ở vùng biên giới Đông Bắc: bản sắc, quê hương và cố hương”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 5.
4. Vũ Thế Công (cb) (2023), *Vận động quần chúng và xây dựng phòng trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc tại địa bàn dân tộc, tôn giáo*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
5. Nguyễn Mạnh Cường (2008), *Phật giáo Khơ me Nam Bộ (Những vấn đề nhìn lại)*, Nxb Tôn giáo & Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
6. Lê Hải Đăng (2019), “Lý thuyết xung đột tộc người, tôn giáo”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 10.
7. Phạm Minh Hạc (2010), *Giá trị học: Cơ sở lý luận góp phần đúc kết, xây dựng quan hệ giá trị chung của người Việt Nam thời nay*. Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

8. Phú Văn Hân (2022), “Quan hệ Dân tộc, tộc người ở các tỉnh ven biển vùng cực nam Trung bộ”, xem tại: <https://hvd.edu.vn/nghien-cuu/thong-tin-khoa-hoc/quan-he-dan-toc-toc-nguoi-o-cac-tinh-ven-bien-vung-cuc-nam-trung-bo-1->, truy cập ngày 22/9/2023
9. Trần Minh Hằng (2022), “Nghiên cứu về mối quan hệ nhóm tộc người – tôn giáo của cộng đồng cư dân ven biển và hải đảo ở Việt Nam”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 6.
10. Đào Vĩnh Hợp, Võ Thị Ánh Tuyết (2017), “Cộng đồng người Hoa ven biển miền Trung trong giao lưu văn hóa, hội nhập”, Tạp chí *Phát triển Khoa học & Công nghệ, Chuyên san Khoa học Xã hội và Nhân văn*, tập 2, số 4.
11. Nguyễn Thế Hùng (2023), “Tu bổ di tích: Thực trạng và đòi hỏi”, *Báo Nhân Dân online*, xem tại: <https://nhandan.vn/tu-bo-di-tich-thuc-trang-va-doi-hoi-post541609.html>, truy cập ngày 24/7/2023.
12. Nguyễn Thị Huệ (2020), “Môi trường tự nhiên và hoạt động văn hóa của người Khmer Nam Bộ”, Tạp chí *Khoa học xã hội miền Trung*, số 03.
13. Nguyễn Thị Hải Lê (2020), “Yếu tố văn hóa biển trong tôn giáo của người Việt vùng ven biển”, Tạp chí *Giáo dục Nghệ thuật*, số 35.
14. Huỳnh Thiệu Phong (2016), “Tù Yang Po Inâ Nâgar đến Thiên Yana Diên Ngọc Phi: dấu ấn của sự giao thoa văn hóa Việt-Chăm trong dòng chảy văn hóa Việt Nam”, xem tại: <https://nghiencuulichsu.com/2016/04/05/tu-yang-po-ina-nagar-den-thien-yana-dien-ngoc-phi/>, truy cập 14/02/2022.
15. Trần Thanh (2022), “Những ngôi chùa trên đảo Trường Sa”, xem tại: <http://www.danvan.vn/Home/Dan-toc-Ton-giao-truyen-thong-va-phat-trien/16629/Nhung-ngoi-chua-o-Truong-Sa>, truy cập ngày 28/5/2023.
16. Nguyễn Văn Thanh (2015), “Phát huy vai trò tích cực của các tôn giáo nhằm xây dựng đoàn kết khoan dung giữa các tôn giáo trong xã hội Việt Nam”, trong Ban Tôn giáo Chính phủ (2015), *Giá trị di sản của đa dạng tôn giáo ở Việt Nam và những đóng góp đối với xã hội Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
17. Hà Đình Thành (cb) (2016), *Văn hóa biển và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa biển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. Vương Xuân Tình (2021), “Nhóm tộc người – tôn giáo với vấn đề xã hội hóa tôn giáo và quá trình tộc người ở Việt Nam”, Báo cáo trình bày tại *Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ VI*, Tiểu ban Dân tộc, Tôn giáo do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Đại học Quốc gia Hà Nội đồng tổ chức, Hà Nội, ngày 28 – 29/10/2021.
19. Trương Thu Trang (2015), “Tục cúng biển của người Khmer Bạc Liêu: một hình thức tôn giáo nguyên thủy”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 4.
20. Trương Thu Trang (2017), *Tôn giáo, tín ngưỡng dân gian cư dân ven biển Bạc Liêu*, Nxb Mỹ Thuật, Hà Nội.
21. Phạm Thị Trâm, Lê Hồng Ngọc (2023), “Phát triển du lịch tại vùng ven biển ở Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, tháng 2, xem tại:

<https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/827014/phat-trien-du-lich-bien-tai-vung-ven-bien-o-viet-nam-hien-nay.aspx>, truy cập ngày 23/7/2023.

22. Tuyết Trinh (Tổng hợp, 2022), “Trải nghiệm lễ cúng Phước Biển Vĩnh Châu với những nghi lễ độc đáo” xem tại: <https://mia.vn/cam-nang-du-lich/tra-nghiem-le-cung-phuoc-bien-vinh-chau-voi-nhung-nghi-le-doc-dao-10438> truy cập ngày 8/9/2023.
23. Phan Thị Yến Tuyết (2014), *Đời sống xã hội - kinh tế văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ*, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
24. Nguyễn Thị Thanh Vân (2009), *Tín ngưỡng thờ Pô Nagar ở Khánh Hòa*, Luận văn Thạc sỹ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.
25. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2022), *Một số giá trị cơ bản của tôn giáo ở Việt Nam*, Tài liệu của Đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo, H.

Abstract

PRESERVING ETHNIC AND RELIGIOUS VALUES IN THE COASTAL REGION AND ISLAND OF VIETNAM TODAY

Chu Van Tuan, Vu Thanh Bang, Hoang Thi Thu Huong

*Institute for Religious Studies,
Vietnam Academy of Social Sciences (VASS)*

Coastal areas and islands are key positions in protecting national sovereignty. These regions have unique economic, cultural, social, belief, and religious characteristics. Residents living in these areas are diverse in origin and ethnicity. Therefore, preserving religious and ethnic values in coastal areas and islands of Vietnam is important in the sustainable development of these areas in particular, in building and protecting the country in general. Based on statistical data, field surveys by the authors, and documents from previous studies, this article first clarifies some related concepts. Next, it generalizes the main points of ethnicity, religion, ethnic and religious values. Finally, it presents current situations of preserving the ethnic and religious values of coastal and island communities in Vietnam.

Keywords: Ethnicity, religion, ethnic values; religious values, coastal areas, islands, Vietnam.